TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ YÊN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08-8-2019
V/v Tuyên bố không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Cầm Xuân Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lý Thị Dung.
2. Bà Đinh Thị Minh Thúy.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Khánh Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc: Tuyên bố không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lường Văn B, sinh năm 1970. Địa chỉ: Bản Nà Kh, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Chị Đinh Thị L, sinh năm 1971. Địa chỉ: Bản Nà Kh, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan trong vụ án: Ông Lường Duy A, sinh năm 1948. Địa chỉ: Bản Nà Kh, xã Gia Ph, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 22 tháng 4 năm 2019 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Lường Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lường Văn B và chị Đinh Thị L chung sống tự nguyện với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Hai anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến khoảng năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã về vấn đề kinh tế. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không cải thiện được mâu thuẫn. Anh B và chị L đã sống ly thân. Nay anh B xác định quan hệ chung sống với nhau giữa anh chị không thể kéo dài, anh B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Đinh Thị L.

Về con chung: anh Lường Văn B và chị Đinh Thị L có 02 con chung: Cháu lớn là Lường Văn Th, sinh ngày 25/5/1992 đã trưởng thành và lập gia đình riêng. Cháu nhỏ là

Lường Văn T, sinh ngày 26/3/2013. Anh B giao cháu T cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng và xin chịu trách nhiệm cấp dưỡng.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Hai vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: hai vợ chồng không có nợ chung.

- Tại bản tự khai của bị đơn Đinh Thị L ngày 26/4/2019, B bản hòa giải ngày 08/7/2019 cũng như tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: bị đơn Đinh Thị L thống nhất với lời trình bày của anh B về thời điểm tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, chị L và anh B có phát sinh mâu thuẫn nhỏ, tuy nhiên không đến mức nghiêm trọng. Nay anh B có yêu cầu ly hôn thì chị L đồng ý.

Về con chung: chị và anh B có hai con chung: Cháu lớn là Lường Văn Th, sinh ngày 25/5/1992 đã trưởng thành và lập gia đình riêng. Cháu nhỏ là Lường Văn T, sinh ngày 26/3/2013. Hiện cháu T đang ở với chị, chị L có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) một tháng cho đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Hai vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: hai vợ chồng không có nợ chung.

- Tại bản tự khai ngày 27/5/2019 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Lường Duy A trình bày:

Ông là bố đẻ của anh Lường Văn B, anh B và chị L chúng sống với nhau tại ngôi nhà sàn lợp ngói thuộc quyền sở hữu của ông. Năm 2008, ông A ra ở riêng và chỉ cho anh B, chị L mượn và ở nhờ ngôi nhà trên. Nay anh B và chị L có yêu cầu ly hôn tại Tòa án, ông An có đề nghị được trả lại ngôi nhà sàn mà anh B và chị L đang ở.

- Tại biên bản hòa giải ngày 08/7/2019 và tại phiên tòa: Anh Lường Văn B và chị Đinh Thị L nhất trí trả lại ngôi nhà cho ông Lường Duy A. Ông Lường Duy A không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháo luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Giao con chung: cháu Lường Văn T cho chị Đinh Thị L.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

+ Về án phí: đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Lường Văn B và chị Đinh Thị L có hộ khẩu thường trú tại bản Nà Kh, xã Gia Ph, huyện Phù Yên. Anh Lường Văn B có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giải quyết việc hôn nhân của anh và chị Đinh Thị L. Theo quy định tại khoản 7 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lường Văn B và chị Đinh Thị L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, được hai bên gia đình công nhận và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, đến nay không khắc phục được, anh B và chị L không còn tình cảm với nhau. Anh B và chị L có đủ điều kiện để kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 4 điều 3 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành Luật hôn nhân và gia đình. Quan hệ hôn nhân giữa anh Lường Văn B và chị Đinh Thị L không được pháp luật công nhận.

Nay anh B xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh B và chị L đã trầm trọng, kéo dài, vợ chồng không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống và anh chị không đăng ký kết hôn nên mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lường Văn B và chị Đinh Thị L.

[3] Về con chung: Anh Lường Văn B và chị Đinh Thị L có 02 con chung. Xét yêu cầu nuôi con của L thấy rằng:

Cháu Lường Văn Th đã trưởng thành, điều kiện phát triển về thể chất và khả năng nhận thức bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Đinh Thị L có yêu cầu được nuôi cháu Lường Văn T và yêu cầu anh Lường Văn B cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) một tháng cho đến khi cháu Thiện trưởng thành đủ 18 tuổi, cháu Lường Văn T cũng có nguyện vọng được sống cùng chị Đinh Thị L. Anh B và chị L đã thống nhất số tiền cấp dưỡng và mức cấp dưỡng với nhau như trên. Xét thấy việc thỏa thuận giữa các đương sự hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng: Anh Lường Văn B, chị Đinh Thị L, ông Lường Duy A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định.

Các đương sự đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do vậy, nguyên đơn sẽ được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lường Văn B và chị Đinh Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Lường Văn T, sinh ngày 26/3/2013 cho chị Đinh Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Lường Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đ *(Một triệu đồng)* mỗi tháng, kể từ tháng 8 năm 2019 cho đến khi cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng: Chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

4. Về án phí: Anh Lường Văn B phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng định kỳ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp. Hoàn trả cho anh Lường Văn B 2.185.000đ *(Hai triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng)* số tiền tạm ứng án phí theo B lai số AA/2016/0002882 ngày 22/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

5. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 8/8/2019).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKS Phù Yên;
- TAND tỉnh Sơn La;
- UBND xã Gia Ph Yên;
- Chi cục THADS Phù Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cầm Xuân Thủy